TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trương Thị Q

2. Bà: Hà Thị T

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải V -Thư ký Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Ng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BT, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Ng, sinh năm: 1977

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Văn Đ, sinh năm: 1973

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ng trình bày: Chị và anh Đ do họ hàng mai mối, không được yêu đương tìm hiểu, gia đình bên nội có làm 02 mâm cơm ra mắt anh em họ hàng, chị về sống với anh Đ từ năm 1999 đến ngày 01/11/2011 mới đi đăng ký kết hôn tại

UBND xã Q để làm khai sinh cho con. Quá trình chung sống do không được tìm hiểu nên vợ chồng có nhiều điểm không tương đồng, trong khi đó anh Đ còn trẻ, ham chơi, chưa lo lắng cho gia đình, quá trình chung sống mỗi khi say rượu anh lại có hành vi bạo lực gia đình đối với chị. Do mâu thuẫn nên từ năm 2016 chị đi làm công ty và không về chung sống với anh Đ, mỗi khi về chị cũng chỉ về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Quá trình ly thân anh Đ cũng cố gắng hòa giải nhưng chị xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không quay về sống chung với anh Đ nữa. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ, hôn nhân chỉ trên giấy tờ vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện BT giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Hà Thị T, sinh ngày 25/10/1999 hiện đã thành niên, cháu Hà Văn H Vĩ, sinh ngày 10/8/2011. Hiện nay cháu Vĩ đang ở với anh Đ, ly hôn chị giao anh Đ tiếp tục nuôi cháu Vĩ và chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung, khi nào có chị sẽ tự cho con.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn Đ tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/3/2023 anh Đ trình bày: Anh không biết đọc, biết viết nên anh đề nghị Tòa án lấy lời khai của mình, anh khai như sau: Anh và chị Ng cưới theo tập quán từ năm 1999 đến năm 2011 mới đi đăng ký kết hôn để làm khai sinh cho cháu Vĩ. Do kinh tế khó khăn, chị Ng đi làm trong miền Nam sau đó bị bệnh thần kinh và đi linh tinh, em trai chị Ng đưa về nhà và từ đó chị Ng ở dưới nhà mẹ đẻ và không lên ở với anh nữa. Nay chị Ng muốn ly hôn anh không đồng ý vì vậy anh đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng nuôi cháu Vĩ không lớn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Hà Thị T, sinh ngày 25/10/1999 hiện đã thành niên và lập gia đình, cháu Hà Văn H Vĩ, sinh ngày 10/8/2011 hiện đang ở với anh, anh là người trực tiếp nuôi con, chị Ng lâu lâu gửi tiền về, nếu phải ly hôn anh muốn được tiếp tục nuôi cháu Vỹ và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nguyện vọng của anh là được đoàn tụ để nuôi con khôn lớn, nếu Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, do anh bận công việc không thể đi lại thường xuyên được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ng đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Đ không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ. Anh Đ cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Ng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn, đơn trình bày nguyện vọng của con chung và toàn bộ các tài liệu chứng cứ

có trong hồ sơ và căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng và anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị Ng, xử cho chị Hà Thị Ng được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Hà Thị T, sinh ngày 25/10/1999 hiện đã thành niên nên miễn xét. Giao cháu Hà Văn Hùng V, sinh ngày 10/8/2011 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị Ng, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Ng và anh Đ đều có hộ khẩu ở xã Q, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện BT được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Ng và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2011 tại UBND xã Q huyện BT, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Do anh Đ không chịu khó làm ăn, mỗi khi say rượu anh lại có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Ng vì vậy từ năm 2016 chị đã ly thân không về chung sống với anh Đ nữa. Anh Đ có mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi cháu Vỹ khôn lớn vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy thực tế vợ

chồng chị Ng, anh Đ đã không còn chung sống 06 năm. Việc này phù hợp với biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của Tòa án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Ng ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Thị T, sinh ngày 25/10/1999 hiện đã thành niên nên miễn xét. Ly hôn chị Ng và anh Đ đều thống nhất giao cháu Hùng V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị Ng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Vì vậy giao cháu Hùng V cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị Ng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Ng, anh Đ không đề nghị tòa án giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Ng.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ng được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Cháu Hà Thị T, sinh ngày 25/10/1999 hiện đã thành niên nên miễn xét. Giao cháu Hà Văn Hùng V, sinh ngày 10/8/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên. Chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Ng, anh Đ không đề nghị tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT theo biên lai số: AA/2022/0001994 ngày 03/02/2023. Chị Ng đã nộp đủ án phí

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sư, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BT;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự huyện BT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Vũ Văn Nga